

Bản án số: 01/2017/HNGĐ - ST  
Ngày 28 - 7 - 2017  
V/v Kiện ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Tiến Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Tăng.
2. Ông Nguyễn Hữu Nam.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2016/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2016 về “kiện ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐXX - ST ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vũ Đức K, sinh năm 1991. Địa chỉ: xóm 7, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam.
2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; Địa chỉ: xóm 16, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam; Chỗ ở hiện nay: Chỗ ở hiện nay: 636 - làng K, quận H, tỉnh Chiba, Nhật Bản.

Phiên tòa có mặt anh K, vắng mặt chị H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và lời khai của anh Vũ Đức K trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm 16, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam. Hiện đang cư trú tại: Nhật Bản trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày

20/2/2014 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 5 đến 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do quan điểm sống khác nhau, tính tình không hợp dẫn đến cãi chửi nhau. Đến khoảng cuối tháng 12/2014 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn K và Nguyễn Thị L tại xóm 8, thị trấn B, huyện K để ở. Đến khoảng tháng 4/2015 chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn được nên xin Tòa án tỉnh Hà Nam giải quyết cho tôi được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng, tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài chung, tài sản riêng, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên tòa, phiên họp và thực hiện ủy thác tư pháp toàn bộ hồ sơ tài liệu, yêu cầu khai báo sang Nhật Bản theo đúng quy định của pháp luật. Mặc dù chị H đã nhận được các giấy tờ tài liệu do Tòa án tỉnh Hà Nam ủy thác nhưng không đến Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản để làm các thủ tục và trình bày lời khai theo yêu cầu. Vì vậy Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản đã niêm yết toàn bộ giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về nhận đơn, thụ lý vụ án theo khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thông báo thụ lý vụ án, ngày mở phiên tòa, hòa giải theo đúng quy định tại Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc ủy thác thu thập chứng cứ được thực hiện theo đúng khoản 4 Điều 105; khoản 1 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự và Thông tư liên tịch về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh K chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn. Chị H không thực hiện các yêu cầu của Tòa án trong hồ sơ ủy thác tư pháp là chưa chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa anh K và chị H; Về con chung, tài sản, công nợ: anh K, chị H không

có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí và lệ phí ủy thác tư pháp anh K phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Đức K và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K vào ngày 20/02/2014. Nay chị H đang sinh sống, lao động tại Nhật Bản nên K có đơn xin ly hôn chị H. Vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 28, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Anh K chị H kết hôn tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K nên cuộc hôn nhân giữa anh K và chị H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Đến nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nên xin ly hôn. Đối với chị H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa theo đúng quy định tại điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt theo đúng quy định tại điều 474 và điều 477 và thực hiện thông báo trên công thông tin điện tử của Tòa án. Mặc dù chị H đã nhận được các văn bản của Tòa án nhưng không có ý kiến trả lời. Mặt khác Tòa án cũng đã tham khảo ý kiến của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị L là bố mẹ đẻ của chị H xác định: Chị H vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại về với gia đình và cho rằng mình đã nhận được các văn bản của Tòa án tỉnh Hà Nam cũng như các văn bản của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản và cũng nhất trí ly hôn anh K. Bản thân ông K và bà L là bố mẹ đẻ chị H cũng đề nghị Tòa án tỉnh Hà Nam giải quyết cho anh K, chị H được ly hôn. Vì vậy Tòa án cần xét xử cho ly hôn giữa anh Vũ Đức K và chị Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh K, chị H không có con chung và không đề nghị giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, công nợ: Anh K, chị H không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng và không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp:

Về án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp anh Vũ Đức K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điều 28, điều 37, điều 147, điều 153, điều 469, điều 474, điều 476, 477, 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 121, 122, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 01/2012/NQ - HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa anh Vũ Đức K và chị Nguyễn Thị H.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm anh Vũ Đức K phải chịu 200.000đ. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 04878 ngày 01/11/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam. Anh K đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Lệ phí ủy thác tư pháp anh Vũ Đức K phải chịu 150.000đ. Đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp anh K đã nộp theo phiếu thu số 07 ngày 11/11/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam. Anh K đã nộp xong lệ phí ủy thác tư pháp.

Báo cho anh K có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Viện KSND tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND thị trấn Ba Sao;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đinh Tiến Hùng**